

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
Số: 44LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 1990

PHÁP LỆNH

Lãnh sự

Để phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, bảo vệ ở nước ngoài quyền và lợi ích của Nhà nước, pháp nhân và công dân Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Pháp lệnh này quy định tổ chức và hoạt động lãnh sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Cơ quan lãnh sự

Cơ quan lãnh sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán.

Người đứng đầu Tổng lãnh sự quán là một Tổng lãnh sự, người đứng đầu Lãnh sự quán là một Lãnh sự, dưới đây gọi chung là "Lãnh sự".

Điều 2

Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan lãnh sự

Cơ quan lãnh sự có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Bảo vệ ở nước ngoài quyền và lợi ích của Nhà nước, pháp nhân và công dân Việt Nam;
- Góp phần phát triển và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với nước tiếp nhận; tìm hiểu pháp luật, tình hình kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, du lịch và các lĩnh vực

khác; phát hiện khả năng, mức độ và chuyên ngành mà Việt Nam có thể hoặc cần hợp tác để giúp các cơ quan, tổ chức hữu quan phát triển quan hệ hợp tác với nước tiếp nhận;

3- Nghiên cứu khả năng phát triển quan hệ lãnh sự giữa Việt Nam với nước tiếp nhận, tìm hiểu quan hệ lãnh sự giữa nước tiếp nhận với các nước khác, đề xuất kiến nghị việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến quan hệ lãnh sự.

Điều 3

Nguyên tắc thực hiện chức năng lãnh sự

1- Lãnh sự thực hiện chức năng lãnh sự theo quy định của Pháp lệnh này. Lãnh sự cũng có thể thực hiện những chức năng khác không trái với pháp luật Việt Nam và được nước tiếp nhận chấp thuận.

2- Lãnh sự bắt đầu thực hiện chức năng khi được nước tiếp nhận chấp thuận.

3- Lãnh sự trực tiếp hoặc uỷ nhiệm cho viên chức lãnh sự khác thực hiện chức năng lãnh sự.

4- Người thực hiện chức năng lãnh sự trong cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam thực hiện chức năng ở nước tiếp nhận theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 4

Thực hiện chức năng lãnh sự liên quan đến nước thứ ba

1- Lãnh sự có thể được Bộ trưởng Bộ ngoại giao Việt Nam uỷ nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự ở nước thứ ba nếu được nước đó đồng ý.

2- Lãnh sự có thể thực hiện chức năng lãnh sự do nước thứ ba uỷ nhiệm nếu được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam cho phép và nước tiếp nhận đồng ý.

Điều 5

Thực hiện chức năng ngoại giao

Lãnh sự có thể được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam uỷ nhiệm thực hiện một số chức năng ngoại giao nếu ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam và được nước này chấp thuận.

Điều 6

áp dụng điều ước quốc tế

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia có quy định khác, thì Lãnh sự áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 7

Giá trị của văn bản do cơ quan lãnh sự cấp

Văn bản do cơ quan lãnh sự Việt Nam cấp theo quy định của Pháp lệnh này có giá trị như văn bản do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền trong nước cấp.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN LÃNH SỰ

Điều 8

Thành lập cơ quan Lãnh sự

1- Việc xếp hạng cơ quan lãnh sự, khu vực lãnh sự và nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự được quy định trên cơ sở thoả thuận với nước tiếp nhận.

Khu vực lãnh sự là khu vực được nước tiếp nhận thoả thuận dành cho cơ quan lãnh sự để thực hiện chức năng lãnh sự.

2- Việc thành lập cơ quan lãnh sự do Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 9

Thành viên cơ quan lãnh sự

Thành viên cơ quan lãnh sự gồm viên chức lãnh sự và nhân viên lãnh sự.

Viên chức lãnh sự gồm Tổng lãnh sự, Lãnh sự, Phó lãnh sự hoặc Tuỳ viên lãnh sự. Viên chức lãnh sự phải là công dân Việt Nam.

Nhân viên lãnh sự gồm những người thực hiện công việc hành chính, kỹ thuật, phục vụ trong cơ quan lãnh sự. Nhân viên lãnh sự là công dân Việt Nam và cũng có thể là người nước ngoài.

Điều 10

Bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi Lãnh sự

1- Lãnh sự do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi.

2- Khi bổ nhiệm Lãnh sự, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cấp cho người đó "Giấy uỷ nhiệm lãnh sự".

Điều 11

Chỉ định người tạm thời đứng đầu cơ quan lãnh sự

Trong trường hợp người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời bị khuyết, hoặc vì lý do nào đó mà không thực hiện được chức năng của mình, thì người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại

giao Việt Nam ở nước tiếp nhận chỉ định một viên chức lãnh sự của cơ quan lãnh sự đó hoặc của cơ quan lãnh sự khác hoặc một viên chức của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tạm thời đảm nhận chức vụ đó; nếu ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, thì một viên chức có hàm cao nhất trong cơ quan lãnh sự đó tạm thời đảm nhận chức vụ người đứng đầu, đồng thời báo cáo ngay cho Bộ Ngoại giao.

Điều 12

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan lãnh sự

1- Cơ quan lãnh sự trực thuộc Bộ Ngoại giao và hoạt động dưới sự lãnh đạo chung của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận. Trong trường hợp ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, thì cơ quan lãnh sự hoạt động dưới sự lãnh đạo chung của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao kiêm nhiệm ở nước đó hoặc của Bộ Ngoại giao.

2- Cơ quan lãnh sự hoạt động theo quy định của Pháp lệnh này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia và phù hợp với tập quán quốc tế.

Điều 13

Mối quan hệ công tác

1- Lãnh sự có quyền liên hệ với nhà chức trách địa phương ở khu vực lãnh sự về những vấn đề có liên quan đến hoạt động lãnh sự.

Khi cần liên hệ với nhà chức trách của chính quyền Trung ương, Lãnh sự phải thông qua cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận; trong trường hợp ở nước đó không có cơ quan đại diện ngoại giao, thì Lãnh sự có thể liên hệ trực tiếp, nếu pháp luật và tập quán nước tiếp nhận cho phép hoặc giữa Việt Nam với nước tiếp nhận đã thoả thuận về vấn đề này.

2- Khi thừa hành công vụ, Lãnh sự có quyền liên hệ với các cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương ở trong nước thông qua người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận, trong trường hợp cấp bách có thể liên hệ trực tiếp, đồng thời báo cho người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao biết.

3- Trong các trường hợp nói tại khoản 2 Điều này, Lãnh sự đều phải đồng thời báo cáo Bộ Ngoại giao.

Điều 14

Quốc kỳ, quốc huy, con dấu và biển đề tên cơ quan lãnh sự.

1- Cơ quan lãnh sự có quyền treo quốc kỳ, quốc huy Việt Nam tại trụ sở của mình.

Lãnh sự có quyền treo quốc kỳ Việt Nam tại nhà ở và trên phương tiện giao thông của mình khi phương tiện đó được sử dụng để thừa hành công vụ.

2- Cơ quan lãnh sự có con dấu tròn mang hình quốc huy Việt Nam và tên cơ quan lãnh sự bằng tiếng Việt.

3- Cơ quan lãnh sự treo biển tên cơ quan lãnh sự bằng tiếng Việt và tiếng nước tiếp nhận tại trụ sở.

Điều 15

Lãnh sự danh dự

1- Lãnh sự danh dự là Lãnh sự không chuyên nghiệp và không thuộc biên chế Nhà nước Việt Nam.

ở những nơi có yêu cầu về công việc lãnh sự, song không có điều kiện thành lập cơ quan hoặc cử viên chức lãnh sự, thì Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có quyền bổ nhiệm Lãnh sự danh dự. Lãnh sự danh dự là công dân Việt Nam và cũng có thể là công dân nước ngoài.

2- Lãnh sự danh dự thực hiện một số chức năng lãnh sự theo sự uỷ nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

3- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao căn cứ vào Pháp lệnh này ban hành quy chế về Lãnh sự danh dự sau khi được Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng xét duyệt.

CHƯƠNG III

CHỨC NĂNG LÃNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN VÀ CÔNG DÂN

Điều 16

Đăng ký và thống kê công dân

1- Lãnh sự đăng ký, thống kê công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự và cấp những giấy tờ phù hợp.

2- Khi có chỉ thị của cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ở trong nước, Lãnh sự đăng ký nghĩa vụ quân sự đối với công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự.